

Thứ hai, ngày 25 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Kiểm tra ngưỡng 860 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/5/2020		•	
Tuần 25/5-29/5/2020		•	
Tháng 5/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên điều chỉnh cuối tuần trước, thị trường có một phiên giao dịch tích cực và tiến trở lại ngưỡng kháng cự 860 điểm. Thị trường mở cửa với nhịp rung lắc dao động quanh ngưỡng 852 điểm nhưng đã bắt đầu tăng điểm từ giữa phiên sáng. Khối ngoại tiếp tục hoạt động bán ròng trên cả hai sàn. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực, thanh khoản không đổi và biên độ dao động nói rộng cho thấy tâm lý hưng phấn đang trở lại thị trường. Dòng tiền trong phiên giao dịch hôm nay lan tỏa vào các nhóm ngành Khu công nghiệp (KBC, GVR, PHR) và Dệt may (TCM, TNG). VN-Index sẽ kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 860 điểm trong phiên giao dịch tới, nếu thành công ngưỡng này có thể tạo đà tăng điểm giúp VN-Index tiến tới ngưỡng 880 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số trong phiên hôm nay. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 760 điểm cho các hợp đồng ngắn và trung hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/5/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_6.1%

Phân tích kỹ thuật: KBC_Hưng phần(Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +6.30 điểm, đóng cửa 859.04. HNX-Index +2.11 điểm, đóng cửa 109.15.
- Kéo chỉ số tăng: VNM (+1.59); +GVR (+0.69); VIC (+0.68); BID (+0.40); VHM (+0.29).
- Kéo chỉ số giảm: VJC (-0.14); GAS (-0.11); VPB (-0.10); MSN (-0.07); HNG (-0.05).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 4,639 tỷ đồng, tăng +2.7% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 11.33 điểm, nói rộng so với phiên trước. Thị trường có 201 mã tăng, 74 mã tham chiếu và 106 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -78.99 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG (99.19 tỷ), E1VFN30 (36.82 tỷ) và MSN (25.92 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -27.32 tỷ đồng.

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

859.04

Giá trị: 4639.8 tỷ

6.3 (0.74%)

Khối ngoại (ròng): -78.99 tỷ

HNX-INDEX

109.15

Giá trị: 703.08 tỷ

2.11 (1.97%)

Khối ngoại (ròng): -27.32 tỷ

UPCOM-INDEX

54.93

Giá trị: 0.81 tỷ

0.69 (1.27%)

Khối ngoại (ròng): -20.17 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	33.5	0.66%
Giá vàng	1,729	-0.32%
Tỷ giá USD/VND	23,301	0.16%
Tỷ giá EUR/VND	25,420	-0.23%
Tỷ giá JPY/VND	21,628	0.07%
LS liên NH 1 tháng	1.4%	16.15%
LS TPCP 5 năm	2.1%	5.60%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	87.4	HPG	-99.1
PHR	22.2	E1VFN30	-36.8
VHM	19.4	MSN	-25.9
VCB	14.2	CII	-11.9
BMP	5.9	GAS	-10.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_6.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	16/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bất động sản Khu công nghiệp	6.1%	6.1%	4.9%	4.9%	4.9%	4.9%	25.4%
Chiến tranh thương mại	2.7%	2.7%	8.6%	42.0%	-10.0%	-10.0%	18.1%
Hàng tiêu dùng	2.1%	2.1%	12.1%	49.9%	-3.3%	-3.3%	19.5%
Lãi suất giảm	2.0%	2.0%	11.0%	43.0%	-5.7%	-5.7%	19.3%
BDS & Khu công nghiệp	1.9%	1.9%	7.9%	26.2%	-12.5%	-12.5%	18.0%
Corona Avengers	1.8%	1.8%	10.5%	47.4%	-2.9%	-2.9%	22.2%
Nước & Năng lượng	1.7%	1.7%	6.5%	29.4%	-8.2%	-8.2%	16.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.3%	1.3%	8.7%	35.9%	-7.8%	-7.8%	22.8%
Stay-at-home	1.2%	1.2%	7.1%	38.5%	0.4%	0.4%	17.1%
FTSE Việt Nam	1.1%	1.1%	13.9%	28.7%	-8.0%	-8.0%	16.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.1%	1.1%	12.8%	30.2%	-8.5%	-8.5%	15.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.9%	0.9%	6.3%	30.6%	1.5%	1.5%	15.6%
Xây dựng	0.9%	0.9%	8.5%	34.8%	-7.5%	-7.5%	19.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.8%	0.8%	10.9%	32.8%	-8.4%	-8.4%	17.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.8%	0.8%	10.8%	34.4%	-10.6%	-10.6%	19.4%
Vật liệu Xây dựng	0.8%	0.8%	9.8%	42.1%	-3.8%	-3.8%	20.5%
Dầu khí	0.7%	0.7%	9.9%	40.8%	-23.8%	-23.8%	25.3%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.7%	0.7%	14.1%	41.4%	-9.7%	-9.7%	21.2%
Ngành Dược	0.7%	0.7%	2.0%	17.9%	-5.6%	-5.6%	18.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.6%	0.6%	12.3%	31.6%	-13.1%	-13.1%	16.7%
Ngân Hàng	0.6%	0.6%	14.3%	31.5%	-5.5%	-5.5%	23.4%
VN Diamond	0.4%	0.4%	11.4%	35.0%	-11.1%	-11.1%	19.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.3%	0.3%	15.6%	34.3%	-7.1%	-7.1%	21.5%
VN FinSelect	0.3%	0.3%	15.8%	33.4%	-6.7%	-6.7%	20.0%
Mục tiêu	6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	2.3%	2.3%	13.8%	49.0%	-9.7%	-9.7%	20.9%
M31	1.9%	1.9%	12.2%	34.6%	-8.1%	-8.1%	20.9%
L22	1.9%	1.9%	9.9%	39.8%	-8.4%	-8.4%	19.6%
S32	1.4%	1.4%	12.2%	45.8%	-14.4%	-14.4%	22.2%
S21	1.2%	1.2%	10.0%	35.1%	-8.5%	-8.5%	19.9%
L11	1.1%	1.1%	8.1%	29.4%	-10.4%	-10.4%	17.3%
M22	0.6%	0.6%	13.7%	37.1%	-3.7%	-3.7%	18.8%
S11	0.6%	0.6%	9.5%	26.3%	-3.4%	-3.4%	18.8%
M12	0.5%	0.5%	12.2%	30.4%	-6.9%	-6.9%	19.9%
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	2.2%	2.2%	9.8%	38.6%	-1.2%	-1.2%	18.9%
LOW1	1.5%	1.5%	11.2%	27.5%	-6.0%	-6.0%	17.1%
MID1	0.4%	0.4%	8.7%	35.7%	-2.3%	-2.3%	17.5%
INDEX							
VNINDEX	0.7%	0.7%	11.7%	29.7%	-10.6%	-10.6%	16.8%
VN30INDEX	0.5%	0.5%	12.9%	32.2%	-8.2%	-8.2%	17.4%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	16	8	16	8	8	16
Mục tiêu	9	6	3	6	3	5	4
Rủi ro	3	2	1	2	1	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Phân tích kỹ thuật

KBC_Hưng phấn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: KBC đang ở trong trạng thái tăng giá từ cuối tháng 3 đến nay đồng thuận với đà hồi phục của thị trường chứng khoán Việt Nam. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây vẫn đang duy trì giá trị tốt và ổn định. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá cổ phiếu tăng kịch trần, qua đó vượt qua ngưỡng cản tại giá 13.5. Các chỉ báo kỹ thuật hầu hết đều đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của KBC. Chỉ báo động lượng RSI đang tăng dần nhưng chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể tiếp tục duy trì đà tăng của mình trong những phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của KBC nằm tại mốc 13. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh ngưỡng 15, cắt lỗ nếu mốc 12.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 25/5

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 25/5	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	33.47	0.66%	5.75%	56.11%	-40.94%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	35.13	0.00%	0.92%	41.71%	-40.28%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	103.45	-0.36%	0.85%	51.66%	-43.02%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1729.11	-0.32%	-0.20%	-0.08%	29.49%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.06	-0.91%	0.53%	11.80%	14.52%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	833.25	-0.21%	-0.63%	-1.10%	-6.69%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	508.75	-1.41%	1.70%	-6.44%	-0.44%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.03	-3.40%	1.07%	54.12%	2.53%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	141.93	0.77%	0.56%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.93	-0.46%	5.30%	9.19%	-17.63%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	103.60	-1.10%	-3.04%	-7.54%	-3.13%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5288.50	-1.89%	2.07%	5.14%	-11.19%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	491.84	-1.14%	-0.44%	2.96%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1506.50	-0.95%	3.04%	1.07%	-16.31%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	100.89	-0.51%	4.55%	15.19%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	56.55	-0.26%	4.14%	8.02%	-29.58%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

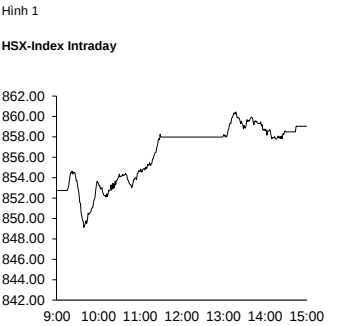
Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu Brent tương lai tăng 34 cent, tương đương 1%, lên 36,09 USD/thùng.
- Giá dầu WTI tương lai tăng 43 cent, tương đương 1,28%, lên 33,92 USD/thùng.
- Tồn kho tại Mỹ trong tuần kết thúc ngày 15/5 giảm 5 triệu thùng trái ngược với dự báo từ giới phân tích, theo cơ quan thông tin năng lượng Mỹ (EIA).

Giá vàng

- Giá vàng ngày 21/5 giảm hơn 1% do nhà đầu tư chốt lời và chuyển sang giữ tiền mặt.
- Giá vàng giao ngay tại sàn New York giảm 20,9 USD xuống còn 1.727,5 USD/ounce.
- Giá vàng tương lai giảm 1,7% xuống 1.721,9 USD/ounce.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

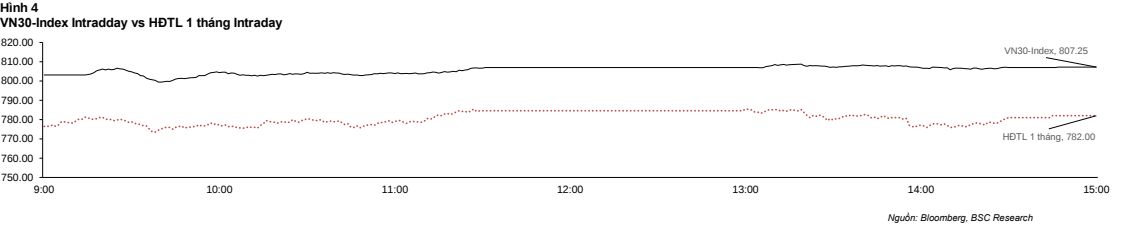
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	-0.36%
Công nghệ Thông tin	-0.07%
Dầu khí	0.19%
Bảo hiểm	0.26%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.37%
Tài nguyên Cơ bản	0.50%
Ngân hàng	0.54%
Y tế	0.55%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.59%
Xây dựng và Vật liệu	0.75%
Bất động sản	0.76%
Ô tô và phụ tùng	0.79%
Dịch vụ tài chính	1.05%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.28%
Thực phẩm và đồ uống	1.33%
Bán lẻ	1.39%
Truyền thông	1.43%
Hóa chất	3.93%
Viễn thông	7.29%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2006	782.00	1.70%	-25.25	7.3%	196,856	6/18/2020	26
VN30F2007	772.00	1.51%	-35.25	-43.1%	673	7/16/2020	54
VN30F2009	757.30	0.04%	-49.95	66.7%	410	9/17/2020	117
VN30F2012	760.00	0.93%	-47.25	-78.0%	65	12/17/2020	208

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 4.11 điểm lên mức 807.25 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VIC, MWG, CTG và VRE tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 lĩnh xình quanh mốc tham chiếu trong phiên sáng nhưng đã duy trì sắc xanh trong phiên chiều. VN30 có thể sẽ vẫn có được sự tích cực trong những phiên tới.
- Các HDTL đều tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số trong phiên hôm nay. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2007 và VN30F2012 giảm, còn VN30F2006 và VN30F2009 tăng. Xét về vị thế mở, đa số hợp đồng đều tăng, trừ VN30F2012. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của thị trường phái sinh trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 760 điểm cho các hợp đồng ngắn và trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM2001	HSC	6/22/2020	28	10.1	506,950	87.7%	5.0 triệu	29.90%	1,700	570	29.55%	349.30	1.63
CDPM2002	KIS	12/16/2020	205	1.1	134,350	548.4%	2.0 triệu	38.74%	1,700	3,080	18.01%	1,996.90	1.54
CVNM2003	MBS	9/4/2020	102	10.1	509,430	224.7%	3.0 triệu	29.90%	1,450	2,780	11.65%	2,533.30	1.10
CPNJ2004	MBS	8/18/2020	85	5.1	175,880	33.3%	2.5 triệu	35.03%	1,000	1,080	6.93%	670.30	1.61
CTCB2004	MBS	8/18/2020	85	2.1	180,220	0.0%	2.0 triệu	35.65%	1,050	2,370	0.00%	2,190.90	1.08
CHPG2001	HSC	6/30/2020	36	2.1	99,250	-25.8%	5.0 triệu	34.65%	1,800	1,990	-0.50%	1,778.70	1.12
CVHM2001	KIS	12/16/2020	205	5.1	145,330	-21.2%	2.0 triệu	34.44%	3,100	1,550	-0.64%	614.30	2.52
CSTB2003	KIS	9/16/2020	114	1.1	177,720	-32.9%	3.0 triệu	38.12%	1,360	1,260	-0.79%	591.20	2.13
CNVL2001	KIS	12/16/2020	205	4.1	223,330	346.0%	2.0 triệu	16.64%	2,300	1,110	-0.89%	54.90	20.22
CHPG2002	KIS	12/16/2020	205	2.1	162,440	-47.7%	3.0 triệu	34.65%	1,700	1,820	-1.62%	1,025.30	1.78
CHPG2004	SSI	6/15/2020	21	1.1	118,120	-43.2%	5.0 triệu	34.65%	2,800	3,940	-2.23%	3,890.90	1.01
CFPT2001	HSC	6/22/2020	28	5.1	257,800	245.4%	5.0 triệu	32.43%	1,600	680	-2.86%	504.50	1.35
CMBB2002	SSI	8/10/2020	77	1.1	153,920	106.8%	3.0 triệu	32.96%	1,300	1,320	-2.94%	818.50	1.61
CVPB2001	HSC	6/22/2020	28	2.1	113,760	-9.9%	5.0 triệu	42.13%	1,500	2,100	-4.11%	2,066.50	1.02
CFPT2003	SSI	11/9/2020	168	1.1	36,300	70.3%	2.0 triệu	32.43%	7,300	11,790	-4.15%	9,544.50	1.24
CCTD2001	KIS	12/16/2020	205	10.1	191,720	37492.2%	1.0 triệu	48.49%	1,540	1,930	-4.46%	604.00	3.20
CFPT2005	VND	7/1/2020	37	1.1	49,910	2.1%	1.0 triệu	32.43%	2,900	8,510	-4.60%	8,148.20	1.04
CFPT2004	SSI	8/10/2020	77	1.1	26,760	1.9%	2.0 triệu	32.43%	5,100	9,390	-4.77%	7,758.30	1.21
CMSN2004	MBS	9/4/2020	102	5.1	105,370	236.6%	1.5 triệu	33.48%	1,980	2,270	-5.42%	1,779.70	1.28
CVPB2005	MBS	8/18/2020	85	2.1	204,850	27.9%	2.0 triệu	42.13%	1,510	2,710	-6.55%	2,514.30	1.08
Tổng:					3,573,410		57.00 triệu	34.56%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 25/5/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên hôm trước.
- Về giá, CROS2002 và CVNM2001 tăng mạnh nhất lần lượt là 32.3% và 29.5%, ở chiều hướng ngược lại, CPNJ2003 và CTCB1902 giảm mạnh nhất lần lượt là 19.1% và 17.6%. Thanh khoản thị trường tăng 24.72%. CVRE2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.74% thị trường.
- Hầu hết chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, trừ CVPB2003 và CHPG2005. CVNM2003 và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	117.60	2.80	2.37
VIC	97.10	0.73	0.44
MWG	86.10	1.29	0.42
CTG	23.05	1.10	0.24
VRE	26.20	1.55	0.23

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	24.0	-0.62	-0.34
VJC	113.1	-0.79	-0.31
MSN	61.8	-0.32	-0.12
SBT	14.8	-0.67	-0.04
GAS	73.7	-0.27	-0.03

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2001	137,000	120,000	117,600
CDPM2002	16,952	15,252	15,300
CVNM2003	108,500	94,000	117,600
CPNJ2004	72,000	67,000	64,000
CTCB2004	19,100	17,000	21,050
CHPG2001	27,600	24,000	27,300
CVHM2001	110,067	94,567	76,800
CSTB2003	12,471	11,111	10,250
CNVL2001	75,088	65,888	53,300
CHPG2002	33,399	29,999	27,300
CHPG2004	26,300	23,500	27,300
CFPT2001	64,000	56,000	48,450
CMBB2002	19,300	18,000	17,300
CVPB2001	23,000	20,000	24,000
CFPT2003	57,300	50,000	48,450
CCTD2001	96,288	80,888	68,000
CFPT2005	51,900	49,000	48,450
CFPT2004	55,100	50,000	48,450
CMSN2004	64,900	55,000	61,800
CVPB2005	22,520	19,500	24,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	86.1	1.3%	1.3	1,695	4.2	8,808	9.8	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	64.0	1.3%	1.3	627	2.0	5,248	12.2	2.9	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	49.5	0.7%	1.3	1,598	1.3	1,168	42.4	1.9	28.4%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	30.5	0.0%	0.5	296	0.0	2,092	14.6	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	97.1	0.7%	0.8	14,280	0.9	2,095	46.3	4.1	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.2	1.6%	1.1	2,588	4.3	1,226	21.4	2.2	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.3	0.0%	0.8	2,247	2.4	3,584	14.9	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	31.2	0.0%	0.8	421	0.6	4,976	6.3	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.3	1.8%	1.4	255	1.4	2,289	4.9	0.8	39.7%	15.9%
SSI	Chứng khoán	14.6	1.7%	1.3	380	3.8	1,415	10.3	0.8	50.5%	7.8%
VCI	Chứng khoán	23.4	0.9%	1.0	167	0.7	4,240	5.5	0.9	30.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.0	2.7%	1.8	252	1.9	1,480	12.8	1.3	53.9%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.5	0.0%	0.8	1,651	4.3	4,804	10.1	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	49.7	0.2%	0.4	538	0.0	4,812	10.3	2.6	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	73.7	-0.3%	1.4	6,133	1.8	5,820	12.7	2.8	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.4	-0.1%	1.5	2,400	1.3	869	53.3	2.9	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.6	1.6%	1.5	262	2.6	1,777	7.1	0.5	12.6%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.4	0.0%	0.8	863	1.1	898	7.1	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.1	0.2%	0.5	529	0.0	5,046	18.5	3.5	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	15.3	5.5%	0.5	260	4.6	1,006	15.2	0.7	12.8%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.9	3.6%	0.5	205	0.9	415	21.4	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	81.1	0.1%	1.2	13,078	2.5	4,848	16.7	3.5	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	39.7	0.9%	1.4	6,934	1.5	2,140	18.5	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.1	1.1%	1.2	3,731	6.7	2,510	9.2	1.1	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	24.0	-0.6%	1.2	2,544	5.4	3,750	6.4	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.3	0.3%	1.1	1,814	3.2	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	22.6	0.9%	1.0	1,634	3.4	3,780	6.0	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	47.0	0.5%	0.9	167	0.5	5,303	8.9	1.5	79.8%	17.0%
NTP	Nhựa	34.2	-0.6%	0.4	146	0.0	4,208	8.1	1.3	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	2.0%	0.5	645	0.0	356	42.1	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	27.3	0.2%	1.2	3,277	13.3	2,764	9.9	1.5	36.8%	17.4%
HSG	Thép	9.8	0.9%	1.6	189	3.0	1,491	6.6	0.7	16.3%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	117.6	2.8%	0.7	8,904	8.0	5,453	21.6	6.8	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	175.0	0.6%	0.8	4,879	0.4	6,719	26.0	6.5	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	61.8	-0.3%	1.0	3,141	3.7	3,961	15.6	1.7	39.4%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.8	-0.7%	0.7	378	1.4	141	105.2	1.2	5.8%	1.4%
ACV	Vận tải	59.5	-0.3%	0.8	5,632	1.0	3,450	17.2	3.5	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	113.1	-0.8%	1.1	2,576	1.6	7,110	15.9	4.0	18.6%	26.3%
HVN	Vận tải	26.8	-0.4%	1.7	1,653	0.8	1,654	16.2	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.4	0.5%	0.9	250	0.2	1,583	12.3	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.6	1.0%	1.0	130	0.4	2,117	5.0	0.7	25.2%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	66.2	0.8%	1.0	447	0.9	9,201	7.2	3.1	2.6%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.3	3.7%	0.8	357	0.5	1,453	12.6	1.3	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.8	1.1%	1.0	228	0.1	1,938	7.1	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	68.0	-0.1%	1.1	226	0.6	8,032	8.5	0.6	46.5%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.1	0.8%	0.4	482	0.1	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.8	0.5%	0.4	206	1.0	1,775	11.2	0.9	45.2%	8.5%
POW	Điện	10.2	1.0%	0.6	1,039	2.7	1,028	9.9	0.9	11.3%	9.4%
NT2	Điện	21.0	2.4%	0.5	263	0.5	2,543	8.3	1.4	17.7%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	117.60	2.80	1.59	1.58MLN
GVR	13.10	4.80	0.69	3.89MLN
VIC	97.10	0.73	0.68	216400.00
BID	39.65	0.89	0.40	888300.00
VHM	76.80	0.39	0.29	4.66MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	0.00	-0.14	331260.00	1.11MLN
GAS	0.00	-0.11	554990.00	607060.00
VPB	0.00	-0.11	5.17MLN	373600.00
MSN	0.00	-0.07	1.35MLN	192700.00
HNG	0.00	-0.05	515910.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FRT	26.75	7.00	0.04	1.90MLN
HCD	3.22	6.98	0.00	2.05MLN
SVT	9.20	6.98	0.00	540.00
TMP	35.40	6.95	0.05	2770.00
AGM	13.90	6.92	0.01	35470.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FDC	12.65	-6.99	-0.01	5850.00
CKG	10.00	-6.98	-0.01	197750.00
NAV	16.70	-6.96	0.00	10.00
RIC	4.38	-6.81	0.00	420.00
KPF	17.15	-6.79	-0.01	5010.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	14.10	6.82	1.21	8.89MLN
ACB	22.60	0.89	0.32	3.52MLN
OCH	7.70	10.00	0.07	100.00
PVS	12.60	1.61	0.05	4.78MLN
SHN	7.40	5.71	0.05	1600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CAP	30.00	-10.45	-0.02	19900.00
CEO	7.60	-1.30	-0.01	334100.00
SEB	28.50	-8.06	-0.01	7500.00
VNR	18.50	-2.63	-0.01	2200.00
VIX	5.10	-1.92	-0.01	13700.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

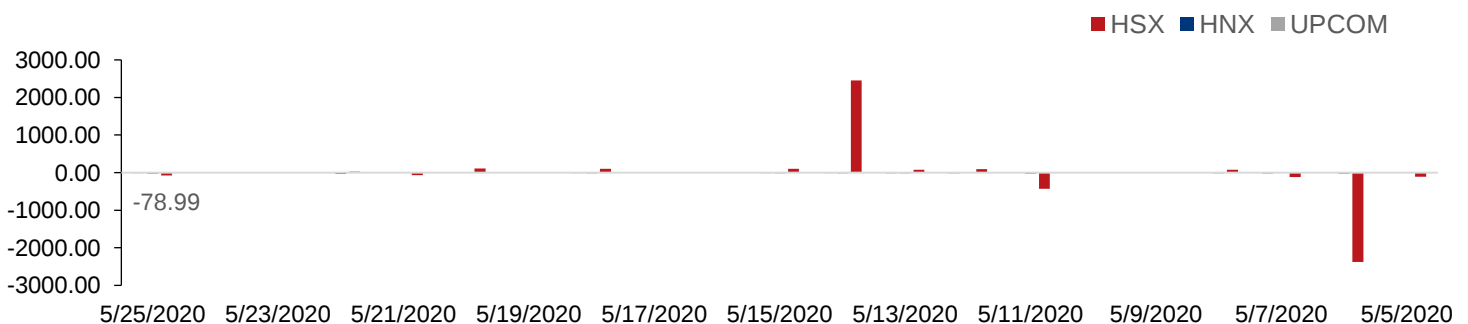
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.60	20.0	0.01	117500.00
PVX	0.80	14.3	0.02	495600.00
FID	1.00	11.1	0.00	200.00
HDA	8.80	10.0	0.01	503400.00
OCH	7.70	10.0	0.07	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KVC	0.80	-11.11	-0.01	498500.00
CAP	30.00	-10.45	-0.02	19900.00
DNC	55.80	-10.00	-0.01	900.00
DNY	1.80	-10.00	0.00	5200.00
DIH	13.60	-9.93	-0.01	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
7	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
11	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
12	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	64.0	5,248	12.2	2.9	Click
2	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	126.0	5,718	22.0	7.8	Click
3	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.3	2,289	4.9	0.8	Click
4	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	17.4	1,496	11.6	1.0	Click
5	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	27.8	7,637	3.6	1.3	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.8	5,311	4.1	1.0	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	27.1	4,465	6.1	1.2	Click
8	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	81.1	4,848	16.7	3.5	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	22.6	3,780	6.0	1.3	Click
10	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	35.0	6,553	5.3	1.3	Click
11	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	48.7	3,887	12.5	2.5	Click
12	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.5	4,804	10.1	2.2	Click
13	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.4	1,583	12.3	1.0	Click
14	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.7	1,880	7.3	0.7	Click
15	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	175.0	6,719	26.0	6.5	Click
16	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	21.7	1,782	12.2	1.5	Click
17	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	117.6	5,453	21.6	6.8	Click
18	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.5	1,781	7.0	0.7	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	86.1	8,808	9.8	2.9	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	35.0	6,553	5.3	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express GVR 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu đạt 24.647 tỷ đồng (+7.76% yoy), LNTT đạt 4.961 tỷ đồng (+6.57%yoy) trong đó Tổng sản lượng khai thác từ 360.000 tấn trở lên, tăng 8,66% so với năm 2019; thu mua 73.000 tấn, sản lượng tiêu thụ kế hoạch 433.000 tấn, tăng 4,79% so với năm 2019. Lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất là kinh doanh mỏ cao su bị sụt giảm mạnh do giá bán cao su vẫn còn rất thấp; khối sản phẩm gỗ và công nghiệp cao su đang chịu áp lực cạnh tranh; khối khu công nghiệp chưa có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Một số thông tin khác. Theo phê duyệt của tỉnh Đồng Nai, GVR sẽ chuyển nhượng khoảng 1.800 ha trong dự án thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành trong khoảng trước tháng 10/2020, với giá đền bù 475 triệu đồng/ha (chưa bao gồm cây cao su).
Express SZC 2020Q2	5/5/2020	KQKD quý 1.2020. Doanh thu thuần đạt gần 121 tỷ đồng cao gấp 2,5 lần cùng kỳ đến chủ yếu từ 103 tỷ đồng doanh thu cho thuê khoảng 9ha đất KCN và phí quản lý khoảng 15 tỷ đồng doanh thu hoạt động khu dịch vụ thể dục thể thao, LNST đạt 53.6 tỷ đồng (gấp 2.89 lần cùng kỳ), lần lượt hoàn thành được 32% kế hoạch doanh thu và 47% kế hoạch LNST, biên LNG ổn định duy trì ở mức 53%. Kế hoạch 2020: Doanh thu 371 tỷ đồng, LNST 115.4 tỷ đồng trong đó (1) KCN: ký thuê 23ha, ký MOU 50ha, doanh thu cho thuê đất KCN, thuê nhà xưởng, phí quản lý và dịch vụ 282 tỷ, trong đó thuê đất KCN, nhà xưởng, phí quản lý khoảng 278 tỷ đồng. (2) BOT: dự kiến 64.5 tỷ đồng (3) Tư vấn giám sát: 3.5 tỷ đồng, sân golf 5.5 tỷ đồng (cho thuê sân tập) (4) BDS dân dụng: 5 tỷ.
Express HPG 2020Q2	4/28/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả Q1/2020: Doanh thu đạt 1,600 tỷ (-14%yoy), lợi nhuận sau thuế đạt 114.6 tỷ (-34.5%yoy). Nguyên nhân đến từ (1) sản lượng vận tải dầu thô và dầu sản phẩm từ Dung Quất và Nghi Sơn giảm do cầu yếu, tồn kho nhiều và (2) giá dầu giảm mạnh => giá cước tàu dầu thô chạy nội địa giảm để hỗ trợ các nhà máy lọc dầu. Với giá định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy).
Express PVT 2020Q2	4/27/2020	Với giá định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy – tương đương 50% mức giảm từ trường hợp xấu nhất) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy). Trong trường hợp xấu nhất, nhu cầu dầu thấp khiến giá dầu ở mức 33\$/thùng và Dung Quất cùng Nghi Sơn chỉ hoạt động với công suất 70%, chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế cả năm của PVT đạt 6.1 nghìn tỷ (-20%yoy) và LNST đạt 493 tỷ (-39%yoy – không tính thanh lý tàu) – tương đương điều chỉnh giảm 13.5% và 42% so với dự phóng đầu năm. Chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá lại khi có số liệu đầy đủ và chính xác hơn. Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3.
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận góp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn